TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2020/DS-ST
Ngày: **14/9/2020**
V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng
2. Ông Võ Thành Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Trang- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân quận C mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 282/2019/TLST-DS ngày 30/12/2019 về tranh chấp " *Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2020/QĐXXST-DS ngày 27/8/2020 giữa các đương sự:

* <u>*Nguyên đơn*</u>: Ông **Mai Văn H**; sinh năm: 1972. Địa chỉ: 08A Khu vực 1, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ. Đại diện ủy quyền: ông **Phan Hữu N**; sinh năm 1975. Địa chỉ: 89/19/5D đường K, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 11/12/2019). Có mặt.

* <u>*Bị đơn*</u>: Ông **Hồ Văn H1**; sinh năm: 1969 và bà **Nguyễn Thị H2**; sinh năm: 1968. Cùng địa chỉ: 270 khu vực TH, phường TT, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện ngày 19/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn trình bày*:**

Năm 2018, nguyên đơn là ông Mai Văn H có cho vợ chồng ông Hồ Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 vay số tiền tổng cộng **100.000.000đ**, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, có viết biên nhận nợ, cụ thể các lần như sau:

Ngày 03/7/2018: bị đơn vay số tiền **60.000.000đ**;

Ngày 05/7/2018, bị đơn vay số tiền **15.000.000đ**;

Ngày 07/9/2018: bị đơn vay số tiền **25.000.000đ**; tổng cộng: **100.000.000đ** và ông Hồ Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 đã ký "Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm" ngày 07/9/2018, có công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích Liên; thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng.

Để bảo đảm cho khoản nợ, bị đơn có thế chấp cho nguyên đơn 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05201 ngày 16/9/2016 của ông Hồ Văn H1 đứng tên thửa đất số 2151, tờ bản đồ số 7A, diện tích 95,3m^2 cây lâu năm tọa lạc tại khu vực TH, phường TT, quận C, thành phố Cần Thơ.

Quá trình thực hiện hợp đồng: từ khi vay đến nay, bị đơn chỉ trả lãi được tổng cộng **7.000.000đ** (không nhớ rõ ngày tháng cụ thể), chưa trả vốn được đồng nào.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay **100.000.000đ** và lãi suất theo thỏa thuận là **60.000.000đ**, tương đương **5.000.000đ**/tháng x 12 tháng; tổng cộng: **160.000.000đ**.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Hồ Văn H1 vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 27/8/2020 của bà Nguyễn Thị H2 cho rằng: bà thừa nhận có vay của ông Mai Văn H số tiền **100.000.000đ**, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng; bà chỉ đóng lãi được khoảng **7.000.000đ**. Nay bà đồng ý trả số tiền trên cho ông H. Ngoài ra, bà có thế chấp cho ông H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chồng bà là ông Hồ Văn H1 đứng tên, bà đồng ý sang tên cho ông H đứng tên quyền sử dụng đất trên.

Sau khi thực hiện các thủ tục cần thiết, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn thay đổi yêu cầu, cụ thể yêu cầu bị đơn trả số tiền vay **100.000.000đ**, còn đối với phần tiền lãi, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ lúc vay đến nay, đồng ý trừ lại tiền lãi cao đã nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét mối quan hệ pháp luật:* đây là vụ kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản " được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền* vay **100.000.000đ**; *Hội đồng xét xử xét thấy:*

Ông Hồ Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 có ký "Hợp đồng vay tài sản không có biện pháp bảo đảm" ngày 07/9/2018, có công chứng tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Bích Liên. Theo nội dung thỏa thuận của hợp đồng: ông H1, bà H2 vay của ông Mai Văn H số tiền **100.000.000đ** (Một trăm triệu đồng), lãi suất do hai

bên tự thỏa thuận, thời hạn vay 12 tháng nên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có lãi suất, có kỳ hạn.

Căn cứ vào Biên nhận ngày 03/7/2018: thể hiện bị đơn vay số tiền **60.000.000đ**; Biên nhận ngày 05/7/2018, thể hiện bị đơn vay số tiền **15.000.000đ** và Biên nhận ngày 07/9/2018: thể hiện bị đơn vay số tiền **25.000.000đ** và lời thừa nhận của bà Nguyễn Thị H2 tại Bản tự khai ngày 27/8/2020; cho thấy ông Hồ Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 có nhận tiền vay của nguyên đơn số tiền **100.000.000đ** là sự thật.

Do quá hạn thỏa thuận của Hợp đồng nH1 bị đơn không trả tiền vay cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay **100.000.000đ** là có cơ sở nên chấp nhận, buộc ông H1, bà H2 phải trả cho ông Mai Văn H số tiền **100.000.000đ**.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo quy định pháp luật từ lúc vay đến nay; Hội đồng xét xử xét thấy: lãi suất các bên thỏa thuận là 5%/tháng là cao so với quy định pháp luật 20%/năm tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên phần lãi nguyên đơn đã nhận được tính lại theo quy định pháp luật, cụ thể:

*Lãi của số tiền vay **60.000.000đ** ngày 03/7/2018 đến 07/9/2018:*

*60.000.000đ x 2 tháng 4 ngày x 20%/năm = **2.133.300đ;***

*Lãi của số tiền vay **15.000.000đ** ngày 05/7/2018 đến 07/9/2018:*

*15.000.000đ x 02 tháng 2 ngày x 20%/năm = **516.700đ;***

*Lãi của số tiền vay **100.000.000đ** ngày 07/9/2018, thời hạn 12 tháng đến 07/9/2019:*

*100.000.000đ x 12 tháng x 20%/năm = **20.000.000đ.***

Lãi suất chậm trả của tiền lãi từ 08/9/2019 đến 14/9/2020:

*(2.133.300đ + 516.700đ) x 24 tháng 6 ngày x 10%/năm = **534.400đ***

*20.000.000đ x 12 tháng 6 ngày x 10%/năm = **2.033.300đ;***

Lãi suất quá hạn của tiền vốn chậm trả từ ngày 08/9/2019 đến nay:

*100.000.000đ x 12 tháng 6 ngày x 30%/năm = **30.500.000đ;***

Tổng cộng tiền lãi theo quy định pháp luật: 2.133.300đ+ 516.700đ +20.000.000đ + 534.400đ + 2.033.300đ + 30.500.000đ = 55.717.700đ.

Trừ lại tiền lãi nguyên đơn đã nhận, bị đơn còn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn: 55.717.700đ – 7.000.000đ = **48.717.700đ**.

Tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn: vốn **100.000.000đ** + lãi **48.717.700đ = 148.717.700đ.**

[3] *Đối với việc nguyên đơn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn; Hội đồng xét xử xét thấy:* do giữa nguyên đơn và bị đơn không có ký hợp

đồng thế chấp có công chứng và đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật nên hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay không có đảm bảo. Vì vậy, nguyên đơn cần giao trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2.

[4] *Đối với việc bà H2 cho rằng đồng ý sang tên quyền sử dụng đất cho nguyên đơn để trừ khoản nợ; Hội đồng xét xử xét thấy:* do hợp đồng vay không có đảm bảo và việc thi hành nghĩa vụ trả nợ sẽ được giải quyết theo quy định pháp luật tại giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí: **148.717.700đ** x 5% = **7.435.900đ.**

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 463; Điều 357, khoản 2 Điều 468; Điều 502 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Hồ Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho ông Mai Văn H số tiền **148.717.700đ** (Một trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm mười bảy ngàn bảy trăm đồng) (trong đó: nợ gốc là 100.000.000đ + lãi 48.717.700đ).

Kể từ khi Mai Văn H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông H1 và bà H2 còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ông Mai Văn H phải trả lại cho ông Hồ Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05201 ngày 16/9/2016 do hộ Hồ Văn H1 đứng tên.

3. **Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm**:

Ông Hồ Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 phải chịu **7.435.900đ** án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Mai Văn H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp **4.000.000đ** theo biên lai số 005803 ngày 25/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

4. **Về quyền kháng cáo**: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản sao bản án đối với bị đơn; các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THA Q. C.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Nguyễn Thị Thùy Trang